



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3889954
- Fax: (0236) 3889957
- Website: www.iseebooks.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 66 người, trong đó cán bộ quản lý là 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Bà Lê Quỳnh Trang | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18/04/2025 |
| • Ông Đặng Thanh Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 18/04/2025 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|----------------------|---------|------------------------------|
| • Ông Ông Thừa Phú | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| • Ông Nguyễn Lê Văn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| • Ông Huỳnh Ngọc Bảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/03/2023 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Bà Nguyễn Thanh Hoa | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 18/04/2025 |
| • Ông Trần Công Thanh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Miễn nhiệm ngày 18/04/2025 |
| • Ông Phạm Minh Nhật | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/03/2022 |
| • Ông Huỳnh Thanh Long | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/03/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 |
| • Ông Huỳnh Ngọc Bảo | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/03/2020 |
| • Ông Nguyễn Duy Nhâm | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/09/2022 |
| • Bà Lê Ngọc | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

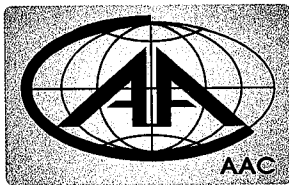
- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC
ĐÀ NẴNG
Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 917/2025/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 29/07/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

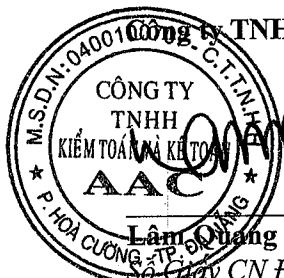
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2025

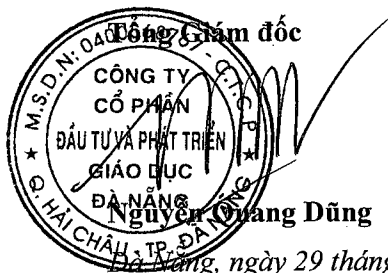
Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		315.692.820.505	139.846.226.690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	32.579.722.811	68.203.733.540
1. Tiền	111		2.279.722.811	2.203.733.540
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.300.000.000	66.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.073.100.000	16.083.600.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	4.237.145.000	4.237.145.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(164.045.000)	(153.545.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228.041.765.013	32.883.078.722
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	227.002.584.748	31.306.147.283
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.483.862.444	1.430.270.604
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	557.409.426	1.138.239.602
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.002.091.605)	(991.578.767)
IV. Hàng tồn kho	140	11	36.388.922.232	21.697.129.493
1. Hàng tồn kho	141		58.508.147.480	35.279.601.212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.119.225.248)	(13.582.471.719)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.609.310.449	978.684.935
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	1.609.310.449	978.684.935
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.740.816.282	23.394.182.594
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.654.457.826	16.305.939.826
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.833.627.826	8.476.775.826
- Nguyên giá	222		22.311.879.597	22.202.999.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.478.251.771)	(13.726.223.771)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.820.830.000	7.829.164.000
- Nguyên giá	228		8.164.999.000	8.164.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(344.169.000)	(335.835.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		75.600.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	75.600.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.799.500.000	6.799.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6b	5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	1.350.000.000	1.350.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		211.258.456	288.742.768
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	211.258.456	288.742.768
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		338.433.636.787	163.240.409.284

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		242.542.129.672	65.954.762.265
I. Nợ ngắn hạn	310		242.542.129.672	65.954.762.265
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16a	195.125.418.988	26.234.871.552
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.421.053.160	1.458.588.466
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.345.417.385	1.083.585.915
4. Phải trả người lao động	314		7.486.511.184	5.315.436.907
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	36.511.127.910	30.914.155.160
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	22.668.650	17.839.650
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(370.067.605)	930.284.615
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.891.507.115	97.285.647.019
I. Vốn chủ sở hữu	410		95.891.507.115	97.285.647.019
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	21	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	10.499.596.414	10.499.596.414
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	38.299.271.668	39.693.411.572
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.375.011.572	31.712.989.031
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.924.260.096	7.980.422.541
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		338.433.636.787	163.240.409.284



Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

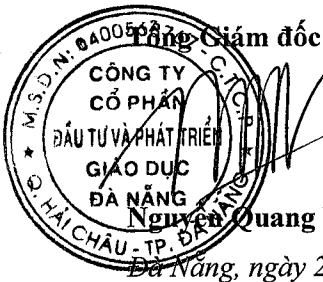
Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	278.983.582.046	392.219.015.587
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	145.431.891	4.641.219.207
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		278.838.150.155	387.577.796.380
4. Giá vốn hàng bán	11	24	238.016.590.505	338.374.459.771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		40.821.559.650	49.203.336.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.148.752.608	1.432.373.239
7. Chi phí tài chính	22	26	231.065.065	717.855.341
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	289.260.925
8. Chi phí bán hàng	25	27	19.790.264.746	24.960.200.374
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	13.076.957.182	11.933.716.929
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.872.025.265	13.023.937.204
11. Thu nhập khác	31		1.020	3.150.030
12. Chi phí khác	32		1.582	105.086.967
13. Lợi nhuận khác	40		(562)	(101.936.937)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.872.024.703	12.922.000.267
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.947.764.607	2.924.012.262
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.924.260.096	9.997.988.005
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.701	1.609
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	1.701	1.609



Trưởng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

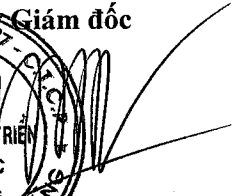
Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

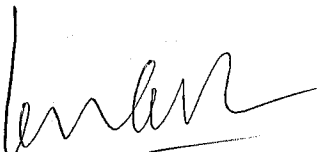
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

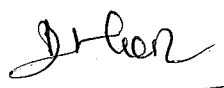
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		83.190.591.633	178.983.148.737
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(95.581.422.847)	(244.705.164.711)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.452.319.812)	(12.050.960.286)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(274.032.217)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18	(525.645.621)	(1.027.185.376)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		275.356.231	125.854.687
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.030.928.794)	(3.209.225.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.124.369.210)	(82.157.564.173)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13,15	(184.480.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6b	(11.000.000.000)	(2.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6b	10.000.000.000	15.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	2.003.238.481	1.857.318.445
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		818.758.481	14.857.318.445
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	55.107.954.225
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(27.315.562.364)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21e	(9.318.400.000)	(9.318.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.318.400.000)	18.473.991.861
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(35.624.010.729)	(48.826.253.867)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	68.203.733.540	53.762.116.091
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	32.579.722.811	4.935.862.224

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Kế toán trưởng


Lê Ngọc

Người lập biểu


Lê Thị Diệu Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 30/06/2025 Công ty có hai Công ty liên kết là:

- Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 (bắt đầu từ ngày 01/01/2025 và kết thúc vào ngày 30/06/2025).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Website	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ.

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến các khoản lãi vay phải trả, các khoản hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh tại Công ty là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính của Công ty gồm: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;
 - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%. Từ 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, các sản phẩm này được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% theo quy định tại Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền mặt	95.816.000	285.584.525
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.183.906.811	1.918.149.015
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	30.300.000.000	66.000.000.000
Cộng	32.579.722.811	68.203.733.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết (*)						
- Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM (STC)	408.545.000	244.500.000	164.045.000	408.545.000	255.000.000	153.545.000
- Công ty CP Sách GD tại TP Đà Nẵng (DAE)	3.828.600.000	4.458.750.000	-	3.828.600.000	5.258.250.000	-
Cộng	4.237.145.000	4.703.250.000	164.045.000	4.237.145.000	5.513.250.000	153.545.000

(*) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000	-	-	5.449.500.000	-	-
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (1)	20%	2.530.000.000	-	-	2.530.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB) (2)	25,92%	2.919.500.000	-	2.510.770.000	2.919.500.000	-	2.306.405.000
Đầu tư vào đơn vị khác		1.350.000.000	-	-	1.350.000.000	-	-
- Công ty CP DV Xuất bản GD Đà Nẵng (3)	8,76%	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN) (4)	2,27%	1.000.000.000	-	1.200.000.000	1.000.000.000	-	1.400.000.000
Cộng		6.799.500.000	-	-	6.799.500.000	-	-

Tất cả các Công ty nhận đầu tư đều không có lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(1), (3) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 30/06/2025. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn này.

(2), (4) Cổ phiếu của các công ty này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, giá trị hợp lý của cổ phiếu này được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 30/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	46.903.347.361	4.574.341.299
Công ty TNHH Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Nam	23.143.794.850	1.653.255.337
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	66.965.859.741	9.465.543.864
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	36.590.284.847	681.842.940
Các đối tượng khác	53.399.297.949	14.931.163.843
Cộng	227.002.584.748	31.306.147.283

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	12.084.437.215	2.958.866.393
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	5.534.981.640	292.454.775

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH TM và DV P.C.C.C Nguyễn Nam Hải	869.096.632	869.096.632
Các đối tượng khác	614.765.812	561.173.972
Cộng	1.483.862.444	1.430.270.604

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	418.741.754	-	884.784.807	-
Phải thu khác	138.667.672	-	253.454.795	-
- Lãi dự thu	79.827.672	-	253.454.795	-
- Công ty CP Sách & TB Bình Định	58.390.000	-	-	-
(BDB) (cổ tức)		-	-	-
- Các khoản khác	450.000	-	-	-
Cộng	557.409.426	-	1.138.239.602	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Số dư đầu năm	991.578.767	1.230.063.637
Trích lập trong kỳ	90.715.346	77.464.784
Hoàn nhập trong kỳ	80.202.508	-
Số dư cuối kỳ	1.002.091.605	1.307.528.421

Nợ xấu:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Gia Lai CTC	121.138.111	-	121.138.111	-
Công ty TNHH MTV TM và DV Sách-TB Thành Phát	271.850.175	-	271.850.175	-
Công ty CP Thiết bị Giáo dục Vạn Nhật Tường	116.828.262	35.048.479	116.828.262	58.414.131
Các đối tượng khác	698.895.622	171.572.086	587.937.522	47.761.172
Cộng	1.208.712.170	206.620.565	1.097.754.070	106.175.303

11. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.775.245.340	-	2.577.882.610	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.650.888.244	-	5.836.332.624	-
Thành phẩm	21.377.449.282	9.473.671.521	6.900.482.945	4.712.073.315
Hàng hóa	29.704.564.614	12.645.553.727	19.964.903.033	8.870.398.404
Cộng	58.508.147.480	22.119.225.248	35.279.601.212	13.582.471.719

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	1.526.060.801	978.684.935
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	83.249.648	-
Cộng	1.609.310.449	978.684.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cầm (*)	132.640.810	167.242.768
Phí dịch vụ Cloud server	78.617.646	121.500.000
Cộng	211.258.456	288.742.768

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	15.653.606.733	5.877.228.182	672.164.682	-	22.202.999.597
Mua sắm	-	-	35.000.000	73.880.000	108.880.000
Phân loại lại	(56.450.000)	-	56.450.000	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	15.597.156.733	5.877.228.182	763.614.682	73.880.000	22.311.879.597
Khấu hao					
Số đầu kỳ	9.338.533.680	3.722.505.408	665.184.683	-	13.726.223.771
Khấu hao	359.556.000	378.336.000	11.674.000	2.462.000	752.028.000
Phân loại lại	(62.774.175)	52.190.175	10.584.000	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	9.635.315.505	4.153.031.583	687.442.683	2.462.000	14.478.251.771
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	6.315.073.053	2.154.722.774	6.979.999	-	8.476.775.826
Số cuối kỳ	5.961.841.228	1.724.196.599	76.171.999	71.418.000	7.833.627.826

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 2.813.818.724 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	7.799.999.000	365.000.000	8.164.999.000
Mua sắm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	7.799.999.000	365.000.000	8.164.999.000
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	335.835.000	335.835.000
Khấu hao	-	8.334.000	8.334.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	344.169.000	344.169.000
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	7.799.999.000	29.165.000	7.829.164.000
Số cuối kỳ	7.799.999.000	20.831.000	7.820.830.000

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 315.000.000 đồng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí tư vấn thiết kế kỹ thuật điều chỉnh cải tạo hệ thống PCCC	75.600.000	-
Cộng	75.600.000	-

16. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	150.996.989.070	18.468.707.285
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo dục Hà Nội	20.923.977.962	-
Các đối tượng khác	23.204.451.956	7.766.164.267
Cộng	195.125.418.988	26.234.871.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	49.090.909	49.090.909
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	150.996.989.070	18.468.707.285
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	20.923.977.962	-
Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	982.565.956	1.463.819.145
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	7.023.504.804	3.627.492.634
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	688.683.510	1.057.305.630
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	334.745.500	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	6.926.578.326	126.021.050
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	101.316.760	23.368.840
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	3.923.586.100	398.299.500
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	283.908.166	138.871.800

17. Người mua trả tiền trước

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Crown Worldwide	316.800.000	316.800.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (bên liên quan)	920.548.490	920.548.490
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Lam Đạt	183.540.990	183.540.990
Các đối tượng khác	163.680	37.698.986
Cộng	1.421.053.160	1.458.588.466

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	93.008.276	473.975.875	172.293.427	394.690.724
Thuế thu nhập doanh nghiệp	493.143.309	1.947.764.607	525.645.621	1.915.262.295
Thuế thu nhập cá nhân	497.434.330	261.916.119	723.886.083	35.464.366
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.083.585.915	2.686.656.601	1.424.825.131	2.345.417.385

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Phí quản lý xuất bản, tổ chức bàn thảo, bản quyền phải trả	35.628.694.724	30.914.155.160
- Công ty CP Đầu tư và PT Giáo dục Hà Nội (bên liên quan)	32.880.056.644	30.914.155.160
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội (bên liên quan)	2.479.528.800	-
- Các đối tượng khác	269.109.280	-
Các khoản khác (phí triển khai thị trường sách)	882.433.186	-
Cộng	36.511.127.910	30.914.155.160

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	21.904.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho chủ sở hữu	320.000	320.000
Phải trả khác	444.650	17.519.650
Cộng	22.668.650	17.839.650

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2024	50.000.000.000	(2.907.360.967)	9.929.566.232	41.031.389.031
Tăng trong năm	-	-	570.030.182	11.400.603.629
Giảm trong năm	-	-	-	12.738.581.088
Số dư tại 31/12/2024	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	39.693.411.572
Số dư tại 01/01/2025	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	39.693.411.572
Tăng trong kỳ	-	-	-	7.924.260.096
Giảm trong kỳ	-	-	-	9.318.400.000
Số dư tại 30/06/2025	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	38.299.271.668

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	39.693.411.572	41.031.389.031
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	7.924.260.096	11.400.603.629
Phân phối lợi nhuận (*)	9.318.400.000	12.738.581.088
Phân phối lợi nhuận năm trước	9.318.400.000	9.318.400.000
- Chia cổ tức cho các cổ đông	9.318.400.000	9.318.400.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	3.420.181.088
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	570.030.182
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.280.120.724
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	570.030.182
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	38.299.271.668	39.693.411.572

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 19/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 19/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng: 6.988.800.000 đồng) và chi bổ sung cổ tức 5%/vốn điều lệ (tương ứng: 2.329.600.000 đồng) từ lợi nhuận còn lại của năm 2024 và các năm trước. Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào các ngày 10/01/2025, 16/06/2025 và đã chi trả cổ tức trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Tổng doanh thu	278.983.582.046	392.219.015.587
+ Doanh thu sách hỗ trợ, sách giáo khoa	264.329.774.264	380.779.222.796
+ Doanh thu sách tham khảo	11.326.365.464	8.525.737.495
+ Doanh thu hoạt động khác	3.327.442.318	2.914.055.296
Cộng	278.983.582.046	392.219.015.587

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Hàng bán bị trả lại	145.431.891	4.641.219.207
+ Hàng bán bị trả lại sách hỗ trợ, sách giáo khoa	70.003.320	4.279.323.210
+ Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	-	318.596.130
+ Hàng bán bị trả lại khác	75.428.571	43.299.867
Cộng	145.431.891	4.641.219.207

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Giá vốn hàng bán	229.479.836.976	330.393.895.558
+ Giá vốn sách hỗ trợ, sách giáo khoa	217.932.157.433	321.630.066.847
+ Giá vốn sách tham khảo	9.194.691.289	6.594.168.448
+ Giá vốn hoạt động khác	2.352.988.254	2.169.660.263
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	8.536.753.529	7.980.564.213
Cộng	238.016.590.505	338.374.459.771

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	902.136.358	282.861.793
Lãi bán hàng trả chậm	260.751.250	134.346.472
Cổ tức, lợi nhuận được chia	985.865.000	1.015.164.974
Cộng	2.148.752.608	1.432.373.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí lãi vay	-	289.260.925
Chiết khấu thanh toán nhanh	205.808.944	400.094.416
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	10.500.000	28.500.000
Chi phí tài chính khác	14.756.121	-
Cộng	231.065.065	717.855.341

27. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	4.458.502.693	3.989.819.129
Chi phí nhân viên bán hàng	7.281.526.699	6.773.409.256
Các khoản khác	8.050.235.354	14.196.971.989
- Chi phí khấu hao	324.702.000	207.512.360
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	2.747.869.799	3.767.602.311
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo, giới thiệu sách, tập huấn,...	3.965.327.355	9.300.962.467
- Chi phí khác	1.012.336.200	920.894.851
Cộng	19.790.264.746	24.960.200.374

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	1.376.931.751	1.984.389.488
Chi phí nhân viên quản lý	7.303.067.504	6.773.641.767
Các khoản khác	4.396.957.927	3.175.685.674
- Chi phí khấu hao	435.660.000	705.654.000
- Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.512.838	77.464.784
- Chi phí khác	3.950.785.089	2.392.566.890
Cộng	13.076.957.182	11.933.716.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.872.024.703	12.922.000.267
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(133.201.667)	1.184.905.631
Điều chỉnh tăng	852.663.333	2.199.965.631
- Chi phí nộp phạt hành chính, thuế truy thu	-	105.086.967
- Chi phí không hợp lệ	852.663.333	2.094.878.664
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	985.865.000	1.015.060.000
Tổng thu nhập chịu thuế	9.738.823.036	14.106.905.898
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.947.764.607	2.924.012.262

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.947.764.607	2.821.381.180
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	102.631.082

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.924.260.096	9.997.988.005
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(2.499.497.003)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)	-	2.499.497.003
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.924.260.096	7.498.491.002
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.701	1.609

(*) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2025 không quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ và mức thù lao này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng quản trị sẽ đề xuất trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.572.650.178	11.170.812.373
Chi phí nhân công	14.584.594.203	13.547.051.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	760.362.000	913.166.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.061.479.060	61.851.015.849
Chi phí khác bằng tiền	15.750.671.045	16.462.936.711
Cộng	113.729.756.486	103.944.982.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty không phát sinh nợ vay nên không có rủi ro về lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu và thuê in gia công từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc biến động giá đầu vào. Nhà cung cấp là Nhà Xuất bản Giáo dục và các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng truyền thống của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và Thiết bị tại các tỉnh, phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán kịp thời nên Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với nhóm khách hàng này. Đối với nhóm khách hàng đại lý, hiện nay tồn tại một số khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tăng cường các biện pháp thu hồi nợ và trích lập dự phòng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty rủi ro tín dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	195.125.418.988	-	195.125.418.988
Chi phí phải trả	36.511.127.910	-	36.511.127.910
Phải trả khác	764.650	-	764.650
Cộng	231.637.311.548	-	231.637.311.548

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	26.234.871.552	-	26.234.871.552
Chi phí phải trả	30.914.155.160	-	30.914.155.160
Phải trả khác	17.839.650	-	17.839.650
Cộng	57.166.866.362	-	57.166.866.362

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.579.722.811	-	32.579.722.811
Đầu tư tài chính	17.073.100.000	1.350.000.000	18.423.100.000
Phải thu khách hàng	226.000.493.143	-	226.000.493.143
Phải thu khác	138.667.672	-	138.667.672
Cộng	275.791.983.626	1.350.000.000	277.141.983.626

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.203.733.540	-	68.203.733.540
Đầu tư tài chính	16.083.600.000	1.350.000.000	17.433.600.000
Phải thu khách hàng	30.314.568.516	-	30.314.568.516
Phải thu khác	253.454.795	-	253.454.795
Cộng	114.855.356.851	1.350.000.000	116.205.356.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP In và dịch vụ Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Mua hàng	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	156.011.793.164	216.207.626.811
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	1.240.962.524	361.230.629
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	403.701.166	2.326.866.820
Công ty CP In và dịch vụ Đà Nẵng	7.029.800.615	1.076.414.560
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	6.938.469.326	32.047.430
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	371.700.000	-
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	7.194.777.378	642.866.342
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	191.223.960	293.184.780
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	403.029.900	263.343.480
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	4.738.342.400	5.270.695.100
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	28.652.584.801	29.814.814.086
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	6.396.012.170	8.763.229.980
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	728.509.080	195.694.320
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	7.623.200	-
Bán hàng	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	5.720.905.728	6.897.150.230
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	36.954.500	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	16.565.732.934	20.594.984.285
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	141.903.350
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	110.170.897	240.085.274
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	284.324.386	1.018.285.715
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	12.267.933	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	14.688.000	-
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	47.131.200	9.452.520
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	352.529.504	770.961.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao và lương của các thành viên quản lý chủ chốt

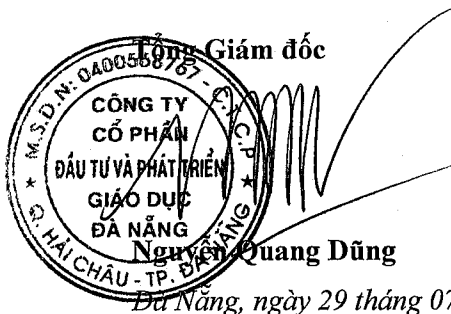
		6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Thù lao Hội đồng quản trị		86.222.218	78.000.000
Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch từ ngày 18/04/2025	12.111.110	
Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch đến ngày 18/04/2025	12.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	21.111.110	18.000.000
Ông Ông Thừa Phú	Thành viên	15.888.888	12.000.000
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	15.888.888	12.000.000
Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Thành viên	15.888.888	12.000.000
Ông Hoàng Quốc Hiệp	Thư ký	5.444.444	-
Thù lao Ban Kiểm soát		20.722.224	15.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Trưởng BKS từ ngày 18/04/2025	6.555.556	-
Ông Trần Công Thanh	Trưởng BKS đến ngày 18/04/2025	4.500.000	9.000.000
Ông Huỳnh Thanh Long	Thành viên BKS	4.833.334	3.000.000
Ông Phạm Minh Nhật	Thành viên BKS	4.833.334	3.000.000
Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách			
Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch từ ngày 18/04/2025	101.000.000	-
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng		1.664.417.000	1.812.353.248

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

36. Số liệu so sánh


Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Kế toán trưởng


Lê Ngọc

Người lập biểu


Lê Thị Diệu Hiền

Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4,
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 2, số 132 - 134 Nguyễn Gia Trí,
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3910 2235
Fax: +84 (28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.com.vn